

Tuổi Trẻ Việt Nam



Cổ Tấn Tinh Châu.

Trước đây trong cuộc chiến ở Việt Nam với sự oai hùng của các em Thiếu Sinh Quân đã làm chúng ta hãnh diện trong trận đánh cuối cùng mà cộng sản phải nhờ thân hào nhân sĩ điều đình và các *Thiếu Sinh Quân* đã ép cộng sản phải chấp thuận cho các em được làm lễ chào quốc kỳ lần cuối. Đó là tấm lòng tri ân của lớp trẻ đối với những anh hùng đã hy sinh để bảo vệ lá Cờ Vàng Ba Sọc Đỏ. Đó còn là bổn phận và trách nhiệm của người Quân Nhân trong QLVNCH.

Đất nước Việt Nam là nơi đã sinh ra biết bao người ưu tú của Dân Tộc, lòng yêu nước, ý chí quật cường của dân chúng thì thời nào cũng có. Những người Việt Nam bình thường của ngày nay luôn sẵn sàng để trở thành những chiến

sĩ anh hùng của ngày mai. Đến nay còn điều quan trọng hơn nữa là chúng ta đang tiếp tục chăm sóc cho thế hệ tương lai.

Đất nước giàu mạnh hay yếu hèn, mất, còn, là tùy thuộc vào thế hệ trẻ sau này. Dù tuổi của chúng ta càng ngày càng cao nhưng chúng ta hãnh diện vì có những em, cháu đang tiến lên càng ngày càng nhiều để đòi lại Tự Do Dân Chủ cho Dân Tộc Việt Nam. Khi tuổi trẻ đứng lên, chúng ta hãy làm viên gạch lót đường cho họ tiến tới, hãy gửi gắm niềm tin của mình vào thế hệ đang tiếp bước bảo vệ quê hương, xây dựng đất nước.

Rất tiếc, hiện nay thế hệ trẻ ở VN là lực lượng trí thức đông đảo nhứt nhưng chưa phát huy được vai trò của mình vì không ít người đang bị cuốn vào xã hội lưu manh để mà sống, cũng vì mưu sinh mà phải tiếp tay cho sự dối trá. Tôi tin rằng vẫn còn những người trẻ, đang cố gắng xây dựng một tương lai tốt đẹp cho đất nước, sẽ đứng lên, giành lấy tiếng nói Tự Do Công Lý cho mình. Hãy tâm niệm tuổi trẻ sống là cống hiến, sống có ích cho bản thân, gia đình và xã hội.

Ngày nay tuổi trẻ là một thế hệ mới, suy nghĩ, hành động và chịu trách nhiệm; dám tranh đấu cho chính bản thân mình và dân tộc đất nước. Thời đại này là thời đại của tuổi trẻ đang tiếp nối hành trình của những anh hùng đi trước để giành lại Độc Lập Tự Do Dân Chủ cho nước Việt Nam. Hôm nay vẫn còn bao đời mắt trẻ đã phải đổ lên khi được nghe kể về những anh hùng đã hiến dâng đời mình cho Tổ Quốc để cho các em, cháu có được cuộc sống an lành và thịnh vượng..

Tuổi trẻ là tuổi ôm ấp bao ước mơ, hoài bão, là tuổi năng động và sáng tạo... Với những phẩm chất tinh túy đó, thế hệ trẻ sẽ là nguồn động lực hàng đầu trong công cuộc xây dựng một đất nước Tự Do, Dân Chủ và giàu mạnh. Chúng ta hãnh diện với hình ảnh của các em, các cháu hiên ngang trước tòa án cộng sản ở Long An đã trở thành một biểu tượng cho khí phách của tuổi trẻ Việt Nam làm ai cũng xúc động, cũng ghi nhớ trong lòng.

Nhưng các em cháu VN hiện ngang này mới chỉ là những ngọn đèn riêng, cần kết nối với nhau thành ánh lửa thiêng để soi sáng con đường cho cả thế hệ trẻ làm nên lịch sử. Chúng ta đã thấy, thế hệ trẻ trong nước với những bài trả lời phỏng vấn trên các đài truyền hình hải ngoại làm chúng ta hãnh diện với thế giới nhờ những phụ nữ dũng cảm, có những em rất trẻ chỉ mới hai mươi tuổi...



Phương Uyên và Nguyễn Kha tại Tòa án Long An

Đồng bào ty nạn cộng sản cũng cảm thấy hãnh diện với tuổi trẻ trong nước và con em VN ở hải ngoại đã thành công vượt bực trên nhiều lãnh vực, từ Lập Pháp đến Hành Pháp, từ Khoa Học Gia đến Y Khoa Bác Sĩ, đến Giáo Sư, Tướng Lãnh... đã làm rạng danh dân Việt trên khắp thế giới.

Trong Lễ chào cờ ở Westminster California, hậu duệ Nguyễn Anh đã nói: ***“Các anh hãy yên lòng, thế hệ hậu duệ VNCH trong đó có chúng tôi sẽ làm hết sức mình cho một ngày mai tươi sáng, một quốc gia không còn cộng sản, cho lá Cờ Vàng Với Ba Sọc Đỏ tung bay trên đất Mẹ***

cùng một nền Cộng Hòa đích thực để đem lại những giá trị cao cả cho dân tộc Việt Nam”.



Khoa Học Gia Dương Nguyệt Ánh

Thách thức lớn nhất của tuổi trẻ hiện nay là phải tự tìm đường đi, tự lựa chọn những giá trị sống. Trên con đường chưa thành hình, họ không sao tránh được sự hoài nghi xen lẫn lòng tin tưởng. Người trẻ phải dũng cảm, luôn đặt câu hỏi, tìm kiếm đúng sai trong mỗi hiện tượng, xu hướng của xã hội, không nhắm mắt chạy theo thời thế, số đông, kiên trì tìm câu trả lời, sẵn sàng đối mặt sẽ có niềm tin vững chắc vào cuộc sống.

Để có thể đóng góp một cách trọn vẹn nhất cho đất nước, tuổi trẻ cũng cần chuẩn bị cho mình những hành trang cần thiết để tiến vào tương lai, đảm đương vai trò, sứ mạng thiêng liêng của mình.

Thế hệ trẻ lớn lên trong điều kiện khác nhau, mà mỗi người đều có cơ hội tìm thấy những con đường của mình để cống hiến cho Tổ quốc, chủ động để đứng vào trung tâm

dòng chảy của xã hội. Tuổi trẻ nắm trong tay tri thức của thời đại, là chìa khóa của cánh cửa tiến bộ xã hội và phát triển đất nước, luôn phải sẵn sàng tới đại chúng, khi đồng bào cần đòi hỏi sinh tồn, tự do và quyền tự quyết.

Cộng đồng và các hội đoàn phải làm gì, chúng ta phải làm gì để thế hệ trẻ hôm nay sống có lý tưởng, sống vì đồng bào và đất nước VN, sống để không hổ thẹn với quá khứ hào hùng của cha ông. Chúng ta luôn đặt niềm tin và kỳ vọng vào thế hệ tương lai, nhìn nhận những tiềm năng to lớn cùng bản chất tốt đẹp của tuổi trẻ VN, tương lai của tuổi trẻ luôn gắn liền với vận mạng của đất nước.



Blogger Mẹ Năm Nguyễn Ngọc Như Quỳnh

Chúng tôi nghĩ rằng điều cần làm của thế hệ cha anh là phải nỗ lực để sao cho lớp trẻ không còn phải e dè khi nhập cuộc, làm sao để cho thế hệ tương lai phát huy hết được phần tinh túy nhất của họ. Chúng ta đến với tuổi trẻ bằng cả tấm lòng thương mến, nên đặt các em, cháu ở vị trí trung tâm trong sự phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

Chúng ta không nên coi thường thế hệ tương lai, đừng coi họ như con nít, ý kiến của họ phải được tôn trọng, cần hướng dẫn, truyền thụ kinh nghiệm của mình cho thế hệ tiếp nối. Trau dồi cho tuổi trẻ có một tinh thần yêu nước, biết đâu là nguồn gốc dân tộc, đâu là lịch sử oai hùng, đâu là di sản của tổ tiên.

Tạo điều kiện cho tuổi trẻ phát triển và cống hiến, đồng

thời khuyến khích, vận động các em nỗ lực học tập, rèn luyện, coi đó là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ mới, để sau cùng họ sẽ là những người đứng ra lãnh đạo cuộc tranh đấu thì mới lôi cuốn được giới trẻ tham gia và được nhiều người ủng hộ. **Hãy sống trong danh dự và trách nhiệm cho tuổi trẻ cảm thấy hãnh diện và xứng đáng để tiếp nối con đường của các thế hệ trước đã hy sinh cho đất nước.**

Giáo dục cho thế hệ trẻ lòng biết ơn, trân trọng đối với sự hy sinh của các anh hùng tử sĩ, thương phế binh, người có công với Tổ Quốc. Với tinh thần bất khuất, kiên hùng, quả cảm chịu đựng hy sinh, gian khổ của các chiến sĩ, mãi mãi là tấm gương sáng cho các thế hệ mai sau noi theo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Cần khuyến khích và nuôi dưỡng tinh thần yêu nước của các em và các cháu. Để cho ngọn lửa tranh đấu của tuổi trẻ bùng sáng lên và tiến tới để viết tiếp những trang sử hào hùng của dân tộc Việt Nam.



*Tướng Lục Quân Hoa Kỳ
Lương Xuân Việt*

Ngục Tù

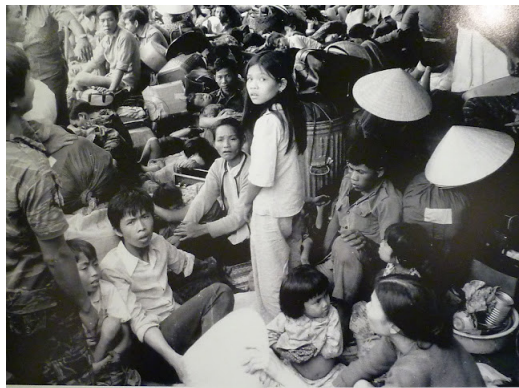
BDQ Trần Thanh Hoàng

Sáng ngày mùng 1 tháng 5 năm 1975, sau một đêm trăn trở; tôi thức sớm leo lên chiếc xe đạp mini dạo một vòng thành phố Mỹ Tho. Sinh hoạt người dân buôn bán có vẻ như thường ngày, nhưng trong ánh mắt, trong lời nói ai ai cũng ẩn kín một niềm ưu tư. Riêng gia đình những người làm việc cho chính quyền và quân đội Quốc Gia thì dăm chiêu ra mặt, chức tước càng lớn càng lo nhiều hơn. Hẳn ai cũng chuẩn bị sẵn tư thế của người thua trận để đón nhận tất cả những gì mà những người chiến thắng sẽ đối xử với mình.

Gặp nhau họ thì thăm bàn tán và dự đoán biết bao tình huống có thể sẽ xảy ra trong những ngày sắp tới. Đã là công chức, là quân nhân của chính phủ Quốc Gia ắt hẳn người nào cũng có nhận thức ít nhiều về những thủ đoạn gian ác của bọn Cộng Sản. Nhất là số gia đình người miền Bắc di cư năm 1954 đã hơn một lần lánh nạn Cộng Sản nên họ âu sầu lo lắng.

Trong không khí u tịch của những ngày đầu thay ngôi đổi chủ ấy pha trộn biết bao cảnh vui buồn lẫn lộn. Cuộc chiến huynh đệ tương tàn đã gặm nhấm tận cùng trong mỗi con người, mỗi gia đình, mấy chục triệu con dân nước Việt. Vì thế ưu tư đầu tiên của mọi người trong tháng 5 năm 1975 là thăm hỏi, kiểm điểm kẻ mất người còn trong số anh em, bạn bè, gia tộc xa gần ...

Có lẽ lúc ấy điểm



duy nhất mà mọi người Việt Nam vui chung là biết rằng chính bản thân mình may mắn được sống còn sau cuộc chiến đẫm máu dài đằng đẵng. Người thua - kẻ thắng chỉ khác nhau ở thái độ bên ngoài, chớ thật ra trong tâm khảm mọi người ai cũng ngầm hiểu rằng tất cả dân Việt người nào cũng thua thiệt, mất mát không nhiều thì ít.

Sau nhiều năm xa cách, tôi gặp lại nhiều người mà tôi nghĩ là họ đã chết rồi; ngược lại nhiều người gặp tôi họ cũng tưởng là tôi không còn sống trên thế gian này nữa. Trong số bạn bè từ thuở còn thơ ấu tôi gặp lại Cẩm Xi, Ngô Văn Thanh, Nguyễn thành Danh... và còn nhiều nữa những thằng bạn thân sơ suốt ba mươi tuổi đời của tôi.

Tôi ngậm ngùi khi biết ra cũng có nhiều thân nhân, bằng hữu xa gần đã nằm xuống vĩnh viễn, trong đó có thằng bạn học là Phạm công Chánh. Chánh chơi thân với tôi trong những năm học trường trung học Nguyễn đình Chiểu. Bản tính Chánh hiền lành nhưng hơi tối dạ, là thằng bạn học có vợ sớm nhất lớp. Tôi tới nhà thăm hỏi, mới hay Chánh đã chết mất xác năm 1971 tại Sư Đoàn 3 Bộ binh ngoài mặt trận Quảng Trị. Vợ Chánh là Hồng đi lấy chồng khác bỏ hai đứa con cho ba má Chánh nuôi kể từ lúc nghe tin chồng vừa chết. Mấy câu thơ này tôi làm để gửi theo mây gió tặng bạn:

Mây nằm xuống, ngậm cười không hở Chánh?

Vợ theo ai, con cái được học hành chăng?

Chết nơi nao, thân xác có vẹn toàn?

Hay vất vương, hồn hoang nơi xứ nớ?

Gia đình tôi mướn căn phố của anh chị bảy Trân - thiếu tá phó quận Chợ Gạo - trên đường Lý Thường Kiệt đối diện kho quân tiếp vụ Mỹ Tho.

Tôi ngồi trước hiên nhà chứng kiến toàn cảnh đám người chen chúc giành giật thuốc lá, đường, sữa, gạo... mà ngao ngán trong lòng. Buồn cười nhất là cảnh mấy thằng cán bộ Bắc Việt rượt theo giật lại, chĩa súng K.54 hò hét: -”Đây là tài sản của nhân dân do Giải phóng quân “quản ný” kẻ

nào “cướp nấy” sẽ đền tội trước nhân dân và tổ quốc”. Sau khi tom gộp gọn vô ba lô “bộ đội cụ Hồ” liền bóc bao thuốc lá quân tiếp vụ nhét vội vào túi và đốt một điếu gài lên môi ngậm phì phèo... “chiến sĩ giải phóng quân” vênh vác nhìn mọi người xung quanh rồi tà tà bước đi không ai biết “ông” đi đâu cũng như chẳng ai biết “ông” từ đâu tới. ???!



Mỹ Tho Trước 1975

Sau khi đắn đo suy tính, tôi đưa Phụng và bốn đứa con gồm Diễm, Tú, Quân, Giang và thằng em vợ là Tài xuống Bãi Ngao quận Ba Tri ở nhà ba má vợ tôi. Còn tôi thu xếp hành trang theo thằng bạn lối xóm là Thảo ra Di Linh dự định khai phá đất trồng trọt để sinh sống. Được hai tuần lễ, nhận thấy không thể đem gia đình ra Di Linh ở được, tôi trở về đón vợ con qua Mỹ Tho. Vợ chồng con cái tôi ùm tùm đến phường 6 ngoại ô Mỹ Tho ở trong căn chòi lá nhỏ xíu với anh hai Lũy - ông anh bà con bạn dì của tôi.

Ở đây cũng không được yên thân, mấy ngày sau bọn “Cách Mạng 30” chỉ chốt với Ủy ban Quân quản phường 6; nửa đêm kéo một đại đội Việt cộng “hành quân” bao vây bắt tôi với tội danh “trốn tránh diện với chính quyền Cách Mạng”. Chúng trói rịt hai tay tôi bằng dây thừng, áp giải về văn phòng Ủy ban đặt ngay cầu Bắc Mỹ Tho; dự định sáng hôm sau đem tôi ra chợ phường 6 xử bắn để dằn mặt anh em “Ngụy quân - Ngụy quyền” khác.

Phụng quá lo sợ, nửa đêm chạy kêu cứu tùm lum. Cũng may tên Phường trưởng đổi ý khi thấy Phụng lê bốn đứa con nhỏ xíu đứng khóc trước cổng. Sau màn lên lớp, chửi rủa, tôi được “hưởng lượng khoan hồng, nhân đạo” của

“chính quyền Cách Mạng”.

Hôm sau tôi lại đùm tùm vợ con sang cồn Phụng của ông Đạo Dừa ở trọ nhà cậu chín Hiền - em cô cậu của má tôi. Mỗi ngày tôi đi ghe qua đó ở với vợ con, chiều tối phải trở về nhà ba má tôi ngủ, sáng hôm sau lại xin ít gạo và đồ ăn mang qua cồn Phụng nuôi vợ con.

Sáng sớm ngày 15 tháng 6 năm 1975, như bao nhiêu anh em “Ngụy quân - Ngụy quyền” khác sống trong thành phố Mỹ Tho; tôi từ giã vợ con, xách hành trang “đi học tập”. Ba cho tôi mười ngàn đồng để đóng tiền ăn trong một tháng. Tôi chia hai số tiền, đưa Phụng một nửa để mua đường phèn cho cu Giang bú và mua gạo sống lây lất.

Cả ngàn anh em sĩ quan từ cấp đại tá đến cấp thiếu úy được tập trung đen nghệt trong sở Hành Chánh - Tài Chánh số 7 gần Bến tắm ngựa Mỹ Tho. Ở đây khoảng một tuần lễ tất cả chúng tôi bị đưa lên xe hàng chở thẳng đến Trung tâm Huấn luyện Trần quốc Toản thuộc tỉnh Cao Lãnh. Trại cải tạo này Việt Cộng đặt tên là Đoàn 675, tập trung hơn hai ngàn sĩ quan Quốc Gia trong khắp các tỉnh thuộc Quân Khu 8.

Tôi được “biên chế” vào Tổ 4/ Đội 4/ Trại 2, mỗi Đội có một trăm người do bốn sĩ quan bộ đội kiểm soát. Tôi nghĩ không cần thiết phải kể lể những cảnh đón nhục mà bọn Cộng Sản thường đối xử với tù chính trị trong những trại giam mang cái danh xưng mỹ miều là “trại tập trung cải tạo”.

Ngoài những thủ đoạn tinh vi để kiểm soát tư tưởng của người tù, bao giờ chúng cũng áp dụng phương châm “trấn áp bằng bạo lực” cộng với biện pháp “thắt chặt bao tử “ rút từ chủ thuyết “duy vật biện chứng” do các “tổ sư đàn anh vĩ



đại” dạy dỗ. Chỉ xin kể ra đây trường hợp bạn tù Triệu Duy Toàn - trung úy khóa 2 sĩ quan Chiến tranh Chính trị - đã chống chọi với cái đói khốc liệt như thế nào. Cái đói đã man dã hành hạ một con người to con cao một thước tám của Toàn; khiến anh không dám bước đi hay nói chuyện nhiều vì sợ tiêu hao số calories vốn quá ít ỏi do khẩu phần cơm “ân huệ” được cung cấp mỗi ngày. Đây cũng là những lời tâm sự chân thật nhất mà chính bạn Toàn đã thổ lộ với tôi.

Gần nửa năm trời sống trong trại Cao Lãnh tôi hoàn toàn không được tin tức nào của gia đình, chẳng rõ cuộc sống của vợ con ra sao. Buồn quá, tôi thường nhồi đất sét nắn tượng cho khuây khỏa. Bao nhiêu nhưng nhớ ngập tràn tôi dồn hết vào bức tượng “Mẹ bồng Con” diễn tả một người đàn bà gầy guộc đầu đội thúng, tay cắp rổ, tay bồng đứa con nhỏ xung quanh nheo nhóc thêm năm đứa con khác cũng ốm o, rách rưới.

Bức tượng này đã khiến tôi bị đội trưởng -trung úy tên Hai Ưng - bắt làm kiểm điểm suốt tuần lễ; sau đó đưa ra trước đội cảnh cáo với lý do “không an tâm học tập cải tạo” vì mãi nhớ vợ, nhớ con. Nó lập luận là bản thân tôi đã được Cách Mạng “nuôi nấng đầy đủ” để học tập cho sớm giác ngộ; còn phần vợ con tôi ở nhà cũng đã có nhân dân, đoàn thể và chính quyền địa phương “chăm sóc chu đáo”!!! Tôi nuốt ngược xuôi lệ vào tim óc và mỉm cười khinh bỉ nhìn thẳng Hai Ưng đang tức tối đập vỡ bức tượng thương yêu như nó chà đạp chính hình ảnh yêu thương của vợ con tôi.

Bạn bè ở chung trại 2 Cao Lãnh rất quý những bức tượng do tôi nắn tặng; anh nào cũng vội lén đem tượng thủ tiêu hết vì sợ bị kết tội như tôi.

Thêm những vi phạm nội qui của Đội, Trại mà tôi thường bị phạt nữa là hay ca “nhạc vàng” và nấu nướng “cải thiện”. Do bản tính phóng túng và cứng đầu, cứng cổ từ nhỏ; tôi thường bất chấp những qui định khắt khe, phi lý mà con người tự đặt ra để kiểm chế người khác dù hậu quả có thể nào cũng không ngán. Nhiều anh em tù cải tạo “hiền lành”

khác không dám nói chuyện thậm chí có anh không dám đứng gần tôi nữa.

Trở lại “đoạn trường cải tạo”, tôi xin phép kể rõ khoảng thời gian cuối năm 1975 khi tôi mang một chứng bệnh lạ có tên y học là “eczéma”. Trại cải tạo Cao Lãnh thường cho tù ăn món cá ngừ kho với muối, nhưng không bao giờ tôi dám rớ tới vì từ thuở nhỏ không bao giờ tôi ăn được bất cứ là loại cá gì. Một hôm tôi dùng cái muỗng chung để bới cơm sau khi một bạn khác vừa lấy muỗng đó múc nước cá. Sau bữa ăn, mùi cá ngừ tanh tươi như ép chặt ruột gan, phèo phổi rồi xông lên tận óc khiến tôi muốn nghẹt thở. Đến chín giờ tối cả đội đang tập hợp để điễm danh đi ngủ, tôi xây xẩm mặt mày té xỉu tại chỗ. Thế là mấy ngày sau hai cánh tay và mặt tôi sưng đỏ, ngứa ngáy như có muôn ngàn con vật li ti gặm nhấm thịt da. Càng ngày vết đỏ lan rộng càng nhức hơn, cho đến khi hai cánh tay và mặt tôi nứt da toát mủ ra. Đến lúc đó Bộ chỉ huy trại mới vội chuyển tôi lên bệnh xá để điều trị. Nói điều trị chớ thật ra mỗi ngày tôi chỉ được phát một nhúm thuốc tím khô để rửa vết thương chớ không có thuốc men gì cả.. Mỗi ngày tôi nhờ anh y tá bộ đội tốt bụng tên là Lã Văn Vinh mua giùm một cuộn giấy vệ sinh “kiss me” để quấn vết thương bị làm độc sung tây nứt nẻ. Con nhức hành hạ tôi không lúc nào ngủ được suốt nửa tháng trời. Ngày nào tôi cũng ngất lịm đi vì đau đớn, mỏi mệt. Mỗi sớm hừng đông, tôi gượng dậy bò ra hồ nước múc một nón sắt nước lã pha với thuốc tím để rửa vết thương. Đau nhất là lúc tôi phải lột bỏ lớp giấy bám cứng thịt da khiến máu mủ tuôn chảy đọng vũng. Lần nào gỡ xong lớp giấy tôi cũng ngất xỉu nằm dài ra đấm cỏ ướt lạnh sương đêm, cho đến khi hồi tỉnh mới ngồi dậy rửa ráy vết thương rồi quấn giấy lại. Suốt ngày tôi chỉ gượng ngồi dậy hai lần để ráng nuốt khẩu phần cháo rồi lại nằm xuống nhắm mắt lim dim. Tôi nằm thoi thóp bất động trên nền xi măng băng giá, cắn răng chịu đựng cơn nhức xé ruột, xé gan. Để quên cơn đau, tôi hướng tất cả tâm lực tinh thần về với vợ con, với cha mẹ, với anh em, với bạn

bè hay hồi tưởng lại tất cả những sự kiện vui buồn lớn nhỏ đã xảy ra trong đời mình. Có lẽ trong những ngày thập tử nhất sinh này tôi đã quên hẳn cái xác thân trần tục của mình để đắm hồn trong sức mạnh tư tưởng hầu tìm ra nẻo sống.

Mấy bạn tù nằm chung bệnh xá làm gì, nói gì tôi cũng biết. Một bạn tù tốt bụng là anh Đức khùng; thấy tôi thê thảm quá nên thường bón cháo cho tôi ăn. Anh trung úy Hải Quân tên Huệ, anh thiếu tá Cảnh sát già tên Sanh... tôi với tên thượng úy y sĩ trưởng là tôi bị vi trùng dương mai tác phát và đề nghị “cách ly” tôi. Chúng nhìn tôi như nhìn một tên cùi hủi đáng ghét rồi ri tai bảo bạn Đức đừng chăm sóc tôi. Vài bạn tù khác thì đứng né xa xa nhìn tôi với ánh mắt cảm thông thương hại. Thế mới biết, chức tước lớn bé, trình độ cao thấp, tuổi tác già trẻ có khác nhau chăng cũng chỉ phân biệt được ở tấm lòng và hành động cụ thể của từng con người.

Nhắc lại giai đoạn khốn đốn này tôi không bao giờ quên được lòng nhân ái của bạn Trương Đức khi thấy anh vết những viên thuốc cuối cùng đưa cho tôi uống. Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các anh được nêu tên kể trên như anh Huệ, anh Sanh, anh Đức, anh Vinh... vì tôi nghĩ rằng chính các bạn là nhân tố sống đã ban cho tôi những chất liệu trung thực nhất để hiểu rõ thế nào là TÌNH NGƯỜI.

Một tháng sau, bệnh tình tôi lành dần. Lớp da mặt và hai cánh tay tôi bong ra từng mảng lớn được thay thế bằng lớp da non khác cũng như những suy nghĩ của tôi hoàn toàn rất khác với lối suy nghĩ trước khi tôi mang bệnh. Về lại đội 4 sống chung anh em bạn tù cũ, lòng tôi như phơi phơi với một tâm trạng nhẹ nhàng khoáng đạt. Một ngày gần Tết Bính Thìn đầu năm 1976 tôi lại nhận được lá thư đầu tiên của Phụng - vợ tôi - sau hơn nửa năm vắng mặt. Trong thư Phụng có gửi tặng tôi một tấm ảnh bán thân khổ 6 x 9 và viết rằng mái tóc trong ảnh là tóc giả vì Phụng đã cạo đầu kể từ ngày tôi đi cải tạo. Tôi xúc động ứa nước mắt có làm mấy câu thơ sau đây gửi về cho Phụng:

Được thơ em - mừng, nhịp tim rối loạn,
mắt cay sè hay em đã quy y.

Trời ơi...

Khuôn mặt dầu yêu còn nguyên đó,
mái tóc đầu rồi “bà vải của lòng tôi” ?!?!

(tháng 2 năm 1976)

Thời gian lặng lẽ trôi thật chậm đối với những người tù cải tạo bị tách khỏi gia đình thân yêu và xã hội bên ngoài... Tháng 6 năm 1976, Đoàn 675 giải thể. Tất cả “trại viên” bị đưa đi nhiều nơi để tiếp tục giai đoạn “lao động cải tạo” ở những vùng rừng thiêng, nước độc.

Tôi được “biên chế” vào một đội gồm một trăm người và bị đưa xuống phi trường Sóc Trăng để lao động. Lần này tôi ở chung tổ với thằng bạn học thân thiết nhất là Nguyễn Thành Danh. Danh được tên trung úy đội trưởng là Tư Xê cử làm tổ trưởng. Danh thấy tôi ốm yếu sợ tôi không kham nổi cực khổ nên đề cử tôi vào nhóm “anh nuôi” tức là nấu ăn cho anh em. Từ nhỏ đến lớn tôi không biết nấu nướng là gì, bấy giờ lại đảm nhận “trọng trách” chỉ huy bốn bạn khác lo miếng ăn cho cả một trăm người khiến tôi e ngại từ chối. Danh thương tôi nên nó nói: -Mày đừng lo, nấu cho tù ăn gì tội nó cũng nuốt hết ráo chó có rảnh đầu mà khen ngon với chê dở. Thế là tôi nghiễm nhiên được “thăng chức đặc cách tại mặt trận khói lửa” làm “tổng khâu” cho “Nhà hàng Cải Tạo”.

Nhóm nhà bếp gồm có các anh Đặng Văn Lo, Nguyễn Tấn Công, Trần Hữu Tính và Lê Văn Sáu tự “Sáu mập”-thằng bạn tù gần bó của tôi. Trong suốt thời gian làm nhà bếp tôi đã cố gắng đem hết nỗ lực để lo miếng ăn, thức uống cho anh em vốn thiếu thốn trăm bề. Tôi tự nhủ trong lòng “thành quả lao động” của mình là để phục vụ cho chính bạn bè đồng cảnh với mình chó tôi không hề biết sợ thằng Cộng Sản nào đến độ phải đem hết sức mình ra mà làm việc tận tụy. Tuy vậy công việc hằng ngày cũng chả có gì là khó khăn vì thực ra chỉ nấu mấy chảo nước uống, mấy chảo cơm

đen với chút xíu mắm muối đậm bạc mà thôi. Các bạn thấy tôi nấu cơm mấy lần mà lần nào cũng ba tầng: sồng - nhão - khét; nên quyết định giao tôi chỉ “đặc trách” nấu nước sôi cung cấp cho anh em có đủ nước uống đi làm. Tôi đã thi hành “nhiệm vụ cao cả” này thật chu đáo đến độ mấy lần nước để sôi trên lò lâu quá bay hơi mất tiêu làm cháy khét mấy cái chảo.

Nhắc lại những ngày tù đầy khổ sai này tôi càng thương má và vợ tôi hơn. Mỗi tháng chúng tôi được gia đình thăm cho quà một lần. Nói cho quà nhưng thật ra là tiếp tế thực phẩm, thuốc men để chúng tôi có miếng ăn tối thiểu mà đủ sức kéo lê mạng sống cho đến một ngày nào đó hy vọng sẽ được thả về hầu gặp lại vợ con thân yêu.

Trung bình khoảng ba tháng má mới chặt bốp gửi chút quà nhỏ; còn Phụng - vợ tôi - khoảng nửa năm mới gom góp đủ tiền xe và mua ít quà nhỏ mang vào cho tôi. Tôi không thể nào quên được những miếng ăn ân tình trong hoàn cảnh khốn khó này mà thằng bạn thân là Sáu mập đã chia sẻ suốt mấy năm dài.

Bác Năm Sùng - má bạn Sáu - có chiếc xe đò nên tháng nào thân nhân của anh em tù cũng bao xe từ Mỹ Tho qua Sóc Trăng thăm nuôi. Bao nhiêu tiền lời được bác Năm đều mua gạo, đồ ăn khô, thuốc men... cho Sáu và tôi, do vậy mặc dầu gia đình ít thăm nuôi nhưng tôi sống cũng không bị đói lắm.

Sau gần hai năm không gặp, lần đầu tiên Phụng dẫn hai thằng con nhỏ là Quân và Giang lò dò xuống Sóc Trăng thăm tôi nhằm không đúng vào ngày cho thăm. Cũng may, đội trưởng thấy tôi ít được người nhà thăm nên cho tôi ra gặp nửa tiếng đồng hồ. Sau bao ngày xa cách, gặp lại vợ con tôi không cảm được nước mắt khi thấy Phụng gầy ốm xanh xao, còn hai thằng con trai thì áo quần cũn cũn. Tôi xót xa trong lòng vì biết rằng ở nhà Phụng phải vất vả trăm bề để chạy ăn còn chưa đủ có đâu dư mà may áo quần cho con.

Nhìn bóng dáng tiều tụy của Phụng dẫn hai thằng con

nhỏ làm lũi ra về, tim tôi nhói buốt như bị ai bóp nghẹt. Mỗi chiều, sau một ngày làm lụng vất vả, com nước xong tôi thích leo lên nóc bunker nhìn ra ngoài vòng rào để tưởng tượng hình ảnh vợ dẫn hai con đang đi xa xa giữa cánh đồng quanh hiu lộng gió.

Hết ngày này, sang tháng khác, qua năm sau... hình bóng thân yêu đó đã xoa dịu phần nào nỗi khổ đau vùi vợi của tôi trong kiếp tù đầy thăm thẳm... Đầu năm 1978, hai chục anh em được thả về trong đó có thằng bạn thân là Danh. Nhưng Danh bị trưng dụng ở lại phi trường Sóc Trăng làm công nhân vì bạn có tay nghề sửa xe rất khá.

Tháng 6 năm đó còn lại tám chục anh em chúng tôi bị chở đến trại Vườn Đào cách quận Cai Lậy - Mỹ Tho ba bốn cây số. Một số trại khác dưới miền Tây cũng giải thể nên tất cả tù cải tạo đều gom về đây. Trại này gọi là Liên trại 5, nằm mí Đồng Tháp Mười mênh mông nước mặn. Chỉ huy trại là tên thiếu tá Trần Thâu, một tên gian ác ra mặt, nhất là đôi mắt lơ lơ hung quang. Chính trị viên trại là tên thượng úy Ba Minh thì nét thâm hiểm toát ra từ cặp mắt trắng dã. Hai thằng này đúng là cặp bài trùng đã gieo rắc biết bao kinh hoàng cho gần ba ngàn anh em sĩ quan tù cải tạo.

Cái chết thảm thiết của anh Quách Nhượng Thanh - đại úy trưởng Đại học Chiến Tranh Chính Trị; của anh Nguyễn Đức Xích - đại tá - Nghị sĩ tỉnh Gia Định và nhiều anh khác tôi không nhớ tên đã minh chứng hùng hồn cho cái bản chất gian manh, tàn ác của đám đảng viên Cộng sản mà hai tên này áp dụng thật “tài tình” tại trại Vườn Đào - Cai Lậy.

Buồn cười nhất là thiếu tá Việt cộng Hai Thâu, sáng nào cũng vận quân phục ủi sắc lêm bên trong mặc thêm áo sơ mi trắng, chân mang “boot Mỹ” đánh bóng, tóc ép láng mượt, vai mang lưng lẳng máy chụp hình và cái ống dòm cũng của Mỹ. Hắn sửa dáng ra vẻ đường bệ đi rảo khắp các đội tù, đôi mắt cú vọ lảo liên ẩn dưới cặp mắt kiếng Ray- Ban đen sậm. Một anh tù cải tạo làm bộ suýt xoa “đây nhẹ”: - Chà, anh Hai oai quá... đúng mầu một cán bộ Cách mạng Giải

phóng... Hai Thâu khoái chí dừng lại toét miệng cười lộ mấy cái răng vàng sáng lóe rồi đưa cao cườm tay lên làm bộ xem giờ cốt để khoe cái đồng hồ “Seiko hai cửa sổ” bóng loáng. Những hôm trời mưa tầm tã, hấn cũng chịu khó “diễn hành” với nhân dáng y hệt như đã kể trên, đặc biệt nhất là trên gương mặt bần cố nông đen đúa không bao giờ chịu gỡ bỏ cặp kiếng “Vãn Vĩ” để tỏ ra là người sành ăn diện trước mắt đám tù binh rách rưới, lếch thếch.

Mùa nước nổi năm 1979 tù cải tạo trại Vườn Đào - Cai Lậy đã chịu nhiều khốn khổ bởi thiên tai lũ lụt. Con lụt khủng khiếp nhất mà mấy chục năm qua chưa hề có giữa Đồng Tháp Mười bao la nước phèn. Chúng tôi phải lội ra ruộng xa, lặn xuống tận đáy sâu để cắt cỏ lác bèo về độn chỗ nằm. Nước dâng cao mỗi ngày, hôm sau lại phải cắt lác độn cao hơn, có đêm nước lên nhiều phải ngủ bập bênh trên mặt nước.

Kinh hãi nhất là đủ loại rắn độc cũng bò vô ngủ chung với tù cải tạo, nhiều anh bị rắn cắn chết thảm, không có đất để vùi thây đành phải bó nylon thả xác trôi theo dòng nước lũ. Ba ngàn sinh mạng con người bị giam hãm giữa biển nước mênh mông với hai bàn tay không mà phải chống chọi với cơn thịnh nộ của trời đất, của rắn rít và sự tàn nhẫn của Cộng Sản, chắc chắn suốt đời chúng tôi không thể nào quên được.

Thời gian bi thảm này, bạn Nguyễn Đông Á và Sáu Mập đã cùng tôi gắn bó bên nhau để đỡ đàn chia xẻ muôn vàn khổ đau hầu gượng sống qua ngày.

Niềm an ủi lớn lao đối với tôi lúc đó là má tôi dẫn Diễm - con gái đầu lòng mà tôi thương yêu nhất - ngồi xuống vào thăm. Tôi bì bõm dưới nước, tay vịn bèo xuống lội ra gặp mặt người nhà. Nhìn con gái tôi ốm nhom, cao nhòng sau hơn ba năm xa cách lòng tôi giá buốt lạnh lẽo hơn cả thân thể phải dầm mình dưới nước suốt ngày đêm.

Kỷ niệm cuối cùng được gặp mặt cha lần thăm nuôi gần Tết vào đầu năm 1980 tôi nhớ mãi. Ba dẫn theo hai thằng

con trai sinh đôi của tôi là Phúc và Đức. Gương mặt ba hẳn nét tiêu tụy dưới mái tóc hớt cao khiến tôi xót xa vô hạn. Do chứng bệnh cao áp huyết, tôi thấy ba thở mệt nhọc nên lo lắng bảo ba dẫn Phúc Đức về sớm - đâu biết rằng đó là lần cha con tôi không còn gặp mặt nhau!

Tháng 3 năm 1980, trại Vườn Đào lại giải thể sau khi thả một số ít tù. Tất cả số còn lại chuyển đi nhiều nơi, tôi bị chửi lên nhót trong trại Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa. Kể từ đó Việt cộng không còn màu mè che đậy gì nữa vì trại Xuyên Mộc đặt trực thuộc Bộ Nội vụ do Công an từ Hà nội đưa vào quản lý, sĩ quan cải tạo được gọi là tù hàng binh.

Tôi ở đội 47 thuộc khu C, ngoài khu C còn có khu A và khu B cũng nhốt mấy ngàn tù chính trị và tù hình sự khác. Cái địa ngục giữa rừng sâu nước độc này đã vùi thây không biết bao nhiêu sinh mạng những tù nhân không bản án của “thiên đường Cộng sản”; nơi mà bọn người vô nhân thường vỗ ngực tự nhận là “trái tim của nhân loại”.

Bên ngoài đâu có ai biết rằng trong hàng trăm trại tù lớn nhỏ trải dài khắp đất nước, hàng trăm ngàn con người đang sống dật dờ như thời hoang dã và bị đọa đày thô bạo bởi những “sáng tạo tài tình” của Đảng Cộng sản Việt Nam “bách chiến bách thắng”!!!

Nhắc đến đoạn đời cay nghiệt này không thể không nhắc tới lần thăm nuôi của má và Bác Năm Sừng. Hai bà bạn già khệ nệ xách... rồi vác... rồi khiêng... rồi gánh... mấy gói quà lặn lội nửa đêm khuya giữa rừng sâu để nuôi hai thằng con trai là tôi và Sáu.

Trong khi Sáu vẫn còn ở trong tù, tôi được thả về trước; đã quỳ khóc trước quan tài Bác Năm. Tôi ghen ngào đặt một bông hồng đỏ thắm trên nắp quan tài để cầu xin hương hồn Bác Năm hãy nhận tôi là đứa con như bạn Sáu là con trai ruột của Bác. Ngày 10 tháng 7 năm 1980 là ngày tôi được kêu tên thả ra khỏi trại tù, để lại biết bao mồ hôi, nước mắt và đón nhục của một người chiến binh Việt Nam Cộng Hoà thất trận.

NGƯỜI MẸ

FMN DL

Bà Hai ngồi ủ rũ trên chiếc ghế bành, tay vòng trước ngực, đôi mắt màu nâu sẫm hoắm nhìn xa xăm, buồn thắm thắm... Bà ngồi vói dáng điệu như thế đã lâu, từ dạo hai người con trai của bà đi tù “cải tạo”. Kể từ lúc Miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản, cậu con trai trưởng của bà, (vốn là một sĩ quan thuộc binh chủng Biệt Động), cậu con trai út làm ở bộ phận Tâm Lý Chiến; cả hai bị ghép vào tội trọng của chế độ mới, “thành phần gây nợ máu của nhân dân”. Người anh bị đem ra Bắc, đưa mãi tận Thanh Hóa. Người em vào trại Đại Bình. Cậu con trai út may mắn đã ở gần mẹ hơn nên cũng không đến nỗi đói. Ba tháng một lần người mẹ gánh lương thực, lặn lội vào thăm con. Từ Đà Lạt xuống Bảo Lộc đã có xe đò nhưng từ Bảo Lộc vào đến trại bà phải gánh bộ. Đường khó đi lại thêm sức già còm cõi, vào đến nơi là bà đã rã rời thân xác nhưng người mẹ già không hề bỏ lỡ một lần thăm. Đến thăm được con những người mẹ khác thì tíu tít thăm hỏi, kể lể đủ mọi chuyện, còn bà sau khi trao thức ăn, đồ dùng cần thiết là bà vội vã quay về, cố ngăn những giọt lệ đang muốn trào ra trên khoé mắt, người mẹ bươn bả bước lui. Bà Hai không muốn cho con buồn và lo lắng. Nhưng chỉ sau một lúc quay về, bà ngồi vật bèn lệ đường khóc nức nở, khóc thương cho hai đứa con giờ đã thôi không còn bay nhảy, đã mất hết tự do. Nghĩ đến đứa con trai ở tận miền bắc xa xôi, bà lại càng đau lòng xót dạ, vì hoàn cảnh, vì sức khỏe bà không thể nào thăm con được. Không biết con bà có chịu đựng được sự giam cầm tù tội ấy không?

.....

Bà cụ ơi, Tối nay bà phải đi họp tổ phụ nữ.

Không! Tao không đi. Bà trả lời cụt ngùn, chắc nịch. Bà không thèm quan tâm đến những buổi họp hành của chúng.

Người phụ nữ bỏ ra về nói lại với bà tổ trưởng. Một lát sau, với dáng vẻ giận dữ, tổ trưởng dân phố đến gặp bà.

- Nè bà! Tại sao bà không chịu đi họp?

- Chân tao bị đau. Tay đã run rẩy. Tai tao lại nghễnh ngãng không nghe được. Vậy tao đi họp làm gì.

- Bà thật cứng đầu. Chân đau mà đi thăm con được. Tay run rẩy mà biết đêm tiền à? Với nữa tai nghễnh ngãng mà ai nói cũng trả treo leo lẻo thế kia.

Bà Hai ngả người trên chiếc ghế dựa, tay vòng trên ngực ngó băng quơ ra đường tự nhủ thầm: “Ráng nhìn. Ráng nhìn nghe mi. Đừng nói thêm gì nữa.”

Bà tổ trưởng dân phố hầm hầm, giận dữ ra về, trước khi đi còn lảm bảm hăm dọa: “Bà già cứng cổ, để mà xem, ta sẽ tống cổ đi kinh tế mới cho biết tay”.

Rồi những buổi họp sau đó bà Hai cũng không tham gia. Tờ giấy cô thư ký ghi lại luôn luôn ghi tên bà Hai vắng mặt. Phụ nữ trong xóm lo ngại cho bà, ai cũng sợ “cách mạng” sẽ bỏ tù bà mà thôi.

Một hôm, bà tổ trưởng dân phố cùng vài ba công an khu vực đến nhà bà hăm dọa:

- Bà không chịu họp hành, không học tập đường lối của đảng và cách mạng là chúng tôi đưa bà vào kinh tế mới.

Bà già nổi tam bành lên: “Nhà này là nhà tao, tao không đi đâu cả, bộ muốn ăn cướp nhà tao hả?” Rồi bà la lên bả hải: “Bớ bà con ơi. Cán bộ muốn ăn cướp nhà dân kia”. Mụ tổ trưởng chưa kịp phản ứng bà càng la to hơn, la khản cả tiếng, la hét như một người bị bệnh thần kinh. Vậy là bà tổ trưởng và mấy chú công an vội vàng chuồn ngay.

Đọa đã, bất nạt không được việc, mụ tổ trưởng lại áp dụng một chiến thuật mới. Một buổi tối người cán bộ phụ nữ đến với thái độ rất hoà nhã, khác hẳn với những lần trước bà ta nhỏ nhẹ “Mê ơi, con có tin này báo cho mẹ nghe. Với sự khoan hồng của nhà nước ta, nếu mẹ bằng lòng hiến căn nhà này cho nhà nước hai đứa con của mẹ sẽ được thả về ngay. Nhà nước sẽ cấp đất đai ở vùng kinh tế mới để con cái mẹ

làm lại cuộc đời”.

“Mả cha mi. Tao cho mi một dao chét ngắc bây giờ. Còn một thanh sắt trong ngôi nhà này tao cũng sẽ bán để tiếp tục nuôi con tao. Đừng thấy tao già cả mà đên đây ăn hiếp. Đồ ăn cướp”.

Rồi bà lại la làng nguyên rủa “Đồ cái thứ ác độc, tưởng là ngon lắm hở, cái thứ nó ngày xưa tao nhìn bằng nửa con mắt”.

Bà la một hồi mệt quá, ngồi tựa vào chiếc ghế dựa để thở, mở mắt ra thì mù tở tưởng đã biến mất tiêu.

Với số vàng dành dụm trong những năm tháng làm ăn khá giả, bà Hai bán từ từ để nuôi sống bản thân và nuôi con đang ở tù. Để che mắt cán bộ bà bày ra một tủ nhỏ bán bánh kẹo cho con nít trong xóm. Bà Hai ít khi ra khỏi nhà, ngay cả việc bán bánh kẹo cũng có người đem đến bỏ mối. Gạo, mắm muối, thức ăn hàng ngày như rau củ, thịt thà đã có bà bán hàng rong mỗi ngày ghé đến bán cho bà. Ban ngày bà ngồi trên chiếc ghế bành to, nhìn ra đường phố đông người qua kẻ lại. Ai đến mua hàng bà đứng lên, chậm chạp lại quây bán. Khách hàng của bà thường là những đứa trẻ, thỉnh thoảng được mẹ cho vài đồng, số tiền nhỏ chỉ đủ để mua vài cái bánh, cây kẹo. Đứa bé nào ngoan ngoãn dễ thương bà lại cho thêm vài cái bánh, vài cây kẹo...bởi vậy đám trẻ nhỏ trong xóm thích mua ở quán bà Hai lắm. Trước kia bà có một cửa hàng thật lớn bán bánh, mứt. Chồng bà thuở còn sống là một thợ làm bánh ngọt nổi tiếng. Ông làm bánh bông lan, bánh lapis xường, bánh hạnh nhân, bánh kẹo... còn bà làm đủ các loại mứt, mứt của bà được các bạn hàng ở Sài Gòn lên mua mang về Sài Gòn. Cửa hàng bánh mứt đã giúp ông bà tạo nên cửa nhà, nuôi con ăn học. Nuôi con lớn lên, mong cho con đỗ đạt thành danh, có công ăn việc làm giúp bà đỡ cực nhọc nhưng các con bà mỗi đứa đều có lý tưởng riêng. Người con cả của bà chọn kiếp sống chinh nhân, ngày đêm xông pha ngoài lửa đạn ngăn chặn quân thù, đứa còn lại chọn ngành tâm lý chiến... mà với chế độ mới

này họ cho là thành phần ác ôn rồi đày đi “học tập cải tạo” không biết bao giờ trở về.

Thương nhớ con. Bảy, tám năm trời đợi chờ con trong vô vọng. Bao quanh bà là một số người mất nhân tính, bợ đỡ trên chà đạp người dưới, thường xuyên đến hù dọa bà. Đêm về, đối diện với đêm đen, một mình lủi thủi trong căn nhà rộng, vắng lặng. Nỗi ám ảnh, nỗi sợ hãi tăng dần... người đàn bà lâm bệnh nặng. Bà nằm liệt trên giường. Thật may mắn, có một người hàng xóm tốt bụng thường xuyên đến thang thuốc, nấu cơm, giặt giũ giúp bà. Trong cơn đau nửa tỉnh nửa mê người mẹ chỉ biết cầu xin Trời Phật phù hộ cho Bà hết bệnh, cầu xin ông chồng đã chết phù hộ cho bà được sống đến ngày hai con trở lại. Không biết có phải vì lòng quyết tâm cầu sống cùng với tình cảm yêu thương gắn bó, chăm sóc tận tình của người hàng xóm nên người mẹ dần qua cơn bệnh nặng...

Người đàn bà sống một mình trong căn nhà vắng ấy đã kiên trì vượt qua khỏi sự răn đe, dọa nạt của bạo quyền, đã không chịu thua trước những áp lực đè nặng trên vai, bà đã âm thầm chịu đựng mọi khổ đau chỉ với niềm tin có ngày hai con sẽ trở về. Sự chờ đợi hầu như tuyệt vọng ấy đã có kết quả. Rồi... một buổi chiều, một buổi chiều cuối đông lạnh lẽo, người mẹ đã lặng người vì vui sướng, lòng tràn đầy hạnh phúc ôm đứa con út trong vòng tay. Bà đã cười, đã khóc, đã lịm đi vì sung sướng được ôm con trong vòng tay, run rẩy vuốt nắn bóp đôi tay chai sạn khô cứng của đứa con yêu. Một tháng sau cậu con cả cũng trở về. Nói sao cho hết nỗi vui của bà trong ngày mẹ con đoàn tụ. Khập khểnh, từng bước khó nhọc người mẹ đến bên bàn thờ, bà thấp nhang cảm tạ Trời Phật đã mang những đứa con yêu trả lại cho bà. Thấp thêm một nén nhang lên bàn thờ chồng bà lâm râm khấn vái: “Ông ơi hai con ông đã trở về rồi đó. Lòng tôi đã bình yên thông thả. Ông hãy đợi tôi một ngày gần đây, tôi cũng sẽ đi gặp ông, nghe ông.”



Cánh hoa Gạo đỏ

Nhật-Phương

Nhớ mãi lần lên thành phố San Jose ra mắt sách, chuyện đã khá lâu, nhưng ân tình cũ mênh mông muôn đời vẫn mới. Một vị giáo sư khả kính, là bạn của một người bạn, trước lạ sau quen, trở thành bạn chung của cả nhóm, có nói rằng:

- Cái duyên Văn Nghệ là “mối lương duyên” khó thể chối từ...

Cho đến bây giờ, dù đã trải qua ngập nghề vài chục năm, tôi vẫn luôn nhập tâm bốn chữ ngoạn hiên cái-duyên-văn-nghệ, yêu nó và trân quý nó, trân quý tất cả những người bạn gần xa đến với mình, qua mối lương duyên này.

Ngòi bút không biết phân biệt giới tính, càng không thể tô vẽ trắng đen, giàu nghèo sang hèn như một số các chiêm tinh gia đại tài chuyên coi chỉ tay có thể. Ngòi bút chỉ làm vài việc thật đơn giản và thực tế, đó là thay cho người cầm bút trang trải từ tâm-tư-tri-thức, những đúng sai chân thật

nhất giữa đời sống phiêu bồng, chuyển lưu theo gió đổi mùa.

Nhà văn Nguyễn Thị Vinh ở Norway có bài thơ gây đậm ấn tượng trong tôi khi nhắc đến “cánh hoa Gạo đỏ”, ngẫu nhiên tôi đọc chỉ một lần mà không thể nào quên, xin phép ghi lại, chia sẻ thêm những ý tưởng độc đáo nhưng gần gũi của bà đến các bạn gần xa, và cũng để khắc ghi kỷ niệm, nhờ mối lương duyên văn nghệ mà chúng tôi mới dễ dàng quen biết nhau:

Nhớ nhà

Thơ Nguyễn Thị Vinh

Ngày còn nhỏ thích xa nhà

Đi đâu cũng được miễn là được đi

Lang thang mây chẳng định kỳ

Có chân không bước ích gì chân ơi

Bây giờ mỗi bước đường đời

Đi đâu cũng chỉ nhớ trời một phương

Cánh hoa gạo đỏ bên đường

Nhớ nhà rung rức hồn nương mây về.

Tâm tư tuổi trẻ mẫn mòi với hai chữ ngày mai để tạo dựng sự nghiệp, thực hiện hoài bão một đời. Tuổi muối tiêu hiu hắt bắt đầu trên quý hiện tại và vu hồi quá khứ. Có khi nào chúng ta tự thâm vấn lòng mình về sự dị biệt giữa hai cá thể to lớn dường bao, hay quan trọng thế nào, và nhất là có cách gì tương đôi, lấp bằng được khoảng thời gian dị biệt trước và sau khi tuổi đời chồng chất.

Ở bài thơ trên, lần đầu tiên tôi được làm quen với “tên gọi” của một loài hoa lạ lắm, khác với sự tượng hình thoang thoảng hương quê, mộc mạc bình dị như hoa Trang, hoa Lục Bình, hoa Bằng Lăng... “Hoa Gạo” là hoa gì? Mặc dầu cùng chung Việt Tộc, cháu chắt vua Hùng, tôi chưa hề biết “cánh hoa Gạo” vuông dài ra sao, mãi cho đến khi đọc được những dòng của nhà thơ ấy. Nhắm mắt lại, tôi mừng tượng ra cảnh hồ Gươm của miền đất lừng tiếng Hà thành, thủ đô nước Văn Lang, trải qua nhiều thời lập quốc:

Tự thưở mang gương đi mở Cối,
Ngàn năm thương nhớ đất Thăng Long
(Thơ Huỳnh Văn Nghệ)

Hoa Gạo ơi, em đã lừng lơ bay vào Văn Học Sử, hay chính em là Văn Học Sử? Bởi trong suy nghĩ của tôi, một người miền Nam hướng lòng ra đất Bắc, chưa biết chút gì về các loài hoa bản xứ, cứ nghĩ hoa gạo cũng cùng tên gọi như hoa dưới trời Nam, là hoa Đồng Đồng, là khi cây mạ có mang em bé, cây mạ trở bông hay “cây lúa đơm bông” trên cánh đồng quê ngoại làng Long Mỹ tỉnh Bến Tre.

Nhưng...tôi như bất ngờ được lạc vào cõi mộng mơ huyền ảo. Ai ơi, có hay sự ngạc nhiên trong tôi đến chói với não nùng. Hoa Gạo đẹp đài các lãng mạn kiêu sa hơn cả nhan sắc diễm kiều của các nàng công chúa. Hoa Gạo tháng ba nhuộm hồng đất Bắc, cùng với Phượng Vĩ mời gọi hè về nồng ấm nắng phương Nam. Vòm trời phi chính trị chứa chan nhan sắc của cả hai miền đất nước. Các loài hoa nam bắc cùng nhau hò hẹn che rợp đủ mọi mùa hoa thiếu nữ của chúng tôi. Hơn trên tất cả, dù muốn dù không, Bắc Trung Nam vẫn có chung một loài hoa Việt Tộc mọc tràn lan thắm đỏ từ thác Bản Giốc đến cuối mũi Cà Mau. Đó là nụ hoa sắc không của gió, tuy vô hình nhưng thiêng liêng mạnh mẽ, quá đủ để khơi nguồn tình thương đồng loại khởi từ thiên nhiên tự tại, đâm ngập ước mơ kỳ vọng tô vẽ cho vương tròn đất nước, bằng chính màu máu của tim mình.

Bạn tôi thân phần nhiều là dân Bắc, dân Trung, mặc dù cùng được sách đèn tại ngôi trường rạch gốc dân Nam. Nhưng kỳ lạ thay, suốt những tháng ngày dài cùng học bên nhau, tôi chưa hề một lần nghe “các đảng ấy” hay “các o ấy” nhắc nhở chút gì về loài hoa công chúa. Quảng đời thiếu nữ của chúng tôi chan hòa hạnh phúc, lãng đãng sắc màu “hoa Soan bên thềm cũ” của nhạc sĩ Tuấn Khanh, thắm đẫm ngàn giọt “mưa trên cây Sầu Đông”² làm mơ huyền thành phố Huế, [²*tác phẩm của nhà văn Nhã Ca*].

Có phải thuở ấy, vì thời cuộc nhiều nhương, đất nước loạn ly nên hoa cỏ cũng bị dòng Bến Hải phân đôi, không còn con đường nào khác có thể len lén mọc tràn qua giới tuyến?

Nghĩ tới nghĩ lui, xoay đi ngoảnh lại, tìm một mẫu chung cho cái khoảng cách từ “ngày còn nhỏ” cho đến “bây giờ”? Chung cuộc, mẫu số ưng ý nhất được đặt ra, thu ngắn đoạn dài giữa cuộc đời, để các thi nhân ray rức làm thơ, viết nhạc, đó là tấu khúc “quay về nguồn”.

Ai đi rồi cũng muốn trở về nơi chốn khởi hành yêu dấu, ru êm tâm sự của chính mình như âm điệu buộc ràng du dương muôn đời vẫn đẹp “trở về mái nhà xưa”, bản lời Việt của NS Phạm Duy, bản tiếng Anh “Come back to Sorrento”, chuyển ngữ từ bản Torna A Sorrento của Ernesto De Curtis..., nên câu “no place like home” rất gần gũi với các “cuống rún chưa lia” như tôi. Sống bên ngoài tổ quốc, hai chữ quê nhà đối với tôi là “home”, là ước mơ, là cuối đường chờ đợi. Mẹ tôi cũng vậy, khi biết không còn bao lâu nữa sẽ lên đường sum họp với ông bà ở cõi vô ưu, đã mỉm cười an phận. Bà chỉ nói nhỏ một câu thật bình thường nhưng nghe khá bất thường:

-Nêu có “chuối quét bóc” cuộn đọt lá Cách tươi, chấm nước mắm ớt sừng pha chanh giấm của làng Long Mỹ, như những chiều mưa cũ ở quê xưa, thì coi như má đã sông đủ một đời, thơ thới về với ông bà...không còn luyến lưu gì hơn nữa.



Các bạn Ba Miền của tôi ơi, có biết món chuối này không? Chẳng cao sang gì đâu bạn hỡi, tất cả chỉ làm bằng các nguyên liệu rẻ tiền ở nhà quê có sẵn như chuối Xiêm già hươm, nấu chín quét nhuyển, trộn với dừa mới

khô tơi, nạo thành sợi trắng tinh, rắc thêm chút mè hoặc đậu phộng rang đậm nhỏ. Tuy nhiên, những món này mặc dù là món phụ, bình dân, nhưng không phải lúc nào cần cũng có.

Đọt cây lá Cách, lá Lụa thật muốt xanh, tươi non mơn mớn như màu lá mạ, to bằng giống đọt xoài, cùng các loại rau thơm húng cây húng lủi, húng quế, dùng để cuốn chuối đã trộn xong, không dùng bánh tráng.

Thuở ấy, khi nghe mẹ nói vậy, tôi thầm nghĩ mãi vẫn không hiểu, tại sao mẹ tôi đã chẳng ao ước điều gì to lớn quan trọng hơn ở phút cuối đời, như mong muốn được sống thêm vài ba năm nữa cùng con cháu, hoặc dặn dò kỹ lưỡng để tôi hiểu biết tận tường về đất đai vườn tược của ông bà để lại, đã bị phân tán trong chiến tranh, cần được thu hồi... vv và vv. Tôi nhút thẹn thật sự quá tui thân. Nhưng đến ngày kỳ giỗ tròn năm cho mẹ, tôi lần mò lục soạn chiếc hộp bà để lại, mới thấm thâu hết nỗi lòng của người trước phút lâm chung. Mẹ mơ ước được sống một lần cuối cùng trong niềm hạnh phúc vô biên với ông bà Ngoại thuở thiếu thời. Bà thể hiện nỗi “nhớ nhà rung rức” qua khay chuối đặc sản ở làng quê. Bên trong chiếc hộp đã sờn, đã cũ, gói ghém nỗi niềm ly xứ, còn có duy nhất một tấm bản đồ của nước Việt-Nam được sắp xếp cẩn trọng trong vuông khăn lụa trắng. Tâm tư mẹ quay quắt “nhớ trời một phương” như tác giả bài thơ ví mình là cánh hoa đất Bắc. Thiết nghĩ, nếu mẹ biết làm thơ, chắc mẹ cũng âm thầm trang trải cõi lòng lên trang giấy nỗi niềm khát khao của mẹ. May mắn thay, chúng tôi còn đủ chút thời gian, thực hiện được trọn vẹn ước mơ cuối cùng (dù sau này mới biết), để mẹ mỉm cười ngủ giấc ngàn thu trong mảnh vườn thiêng liêng thuở nhỏ.

Ai hay khay chuối nhớ nhà

Nương theo sợi khói quê xa bỗng gần

Ngóng tìm dáng mẹ cuối sân

Trời cao đất thấp, kết tầng thương đau.

Đời mẹ tôi, đời một người dân sinh quán tại Bến-Tre, quanh năm chỉ sống với nương vườn. Mẹ là loài hoa mọc

mạc nở ở phương Nam, xin phép cho tôi được ví bà như loài hoa Tre hiếm quý, trăm năm mới nở một lần, mà giờ đây, tôi mãi mãi muôn đời không bao giờ gặp nữa.



Mẹ ơi!!!

Đời tươi mang Xuân đến
Người-Ta, xa bỗng gần
Bên trăm năm còn đợi
Tre nở hoa một lần...

Bây giờ, hay...có khi nào, nương theo sự biến thiên của tạo hóa, nóng lạnh đổi đời không điềm báo trước, khiến quan niệm sống của mỗi miền rồi cũng phải...ăn ở theo thời. Mùa Thu thường áp ủ yêu thương trên cây lá chín vàng, nhưng mùa thu ở vườn tre muôn đời vẫn um tùm xanh mướt. Mưa ơi, hãy rơi thêm thật nhiều, nặng hạt hơn trên cây Đào Đâu, để sắc thắm vườn xuân thiếu nữ ba miền sừng sững mãi khai, xứng đáng tượng trưng cho muôn vạn mầm hoa Việt Tộc.

Tôi lan man vọng tưởng một ngày, hoa của Hồ Gươm sẽ quỵện lấy hoa Tre, lã lướt thắm xinh trên những con đường làng lú rú chân quê, dẫn dắt mọi trái tim tương tư đất mẹ về các vùng hẻo lánh từ Bắc xuống Nam, đến cuối bãi tân bồi.

Ai ơi, có thể nào không?...